Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3822.12.00

Mã HS	3822.12.00
Mô tả hàng hóa	Chất thử chẩn đoán bệnh hoặc chất thử thí nghiệm có lớp bồi, chất thử chẩn đoán hoặc chất thử thí nghiệm được điều chế có hoặc không có lớp bồi, có hoặc không đóng gói ở dạng bộ, trừ loại thuộc nhóm 30.06; các mẫu chuẩn được chứng nhận (1) / - Chất thử chẩn đoán bệnh hoặc chất thử thí nghiệm có lớp bồi, chất thử chẩn đoán hoặc chất thử thí nghiệm được điều chế có hoặc không có lớp bồi, có hoặc không đóng gói ở dạng bộ: / - - Cho Zika và các bệnh khác truyền qua muỗi thuộc chi Aedes
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 16:34:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38221200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5479
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5479
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5479
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5345
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5306
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5306
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5306
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5306
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5306
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5306
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5350
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5350
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5350
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5350

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5350
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5350
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5348
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5348
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5348
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5348
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5348
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5348
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5350
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5312
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5308
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5308
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5308
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5308
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5308
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5308
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5317
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5317
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5317
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5317
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5317
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5317
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5358
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5358
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5358
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5358

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5358
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5358
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5359
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5359
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5359
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5359
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5359
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5359
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D770
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E770
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5362
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5362
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5362
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5362
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5362
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5362
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5331
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5331
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5331
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5331
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5331
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5331
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5333
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5333
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5333
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5333

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5333
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5333
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5331
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5331
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5331
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5331
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5331
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5331
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5331
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5352
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5352
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5352
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5352
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5352
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5352
RCEP B	2022	2022	0	B!D5352
RCEP B	2023	2023	0	B!E5352
RCEP B	2024	2024	0	B!F5352
RCEP B	2025	2025	0	B!G5352
RCEP B	2026	2026	0	B!H5352
RCEP B	2027	2027	0	B!I5352
RCEP C	2022	2022	0	C!D5352
RCEP C	2023	2023	0	C!E5352
RCEP C	2024	2024	0	C!F5352
RCEP C	2025	2025	0	C!G5352
RCEP C	2026	2026	0	C!H5352

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5352
RCEP D	2022	2022	0	D!D5352
RCEP D	2023	2023	0	D!E5352
RCEP D	2024	2024	0	D!F5352
RCEP D	2025	2025	0	D!G5352
RCEP D	2026	2026	0	D!H5352
RCEP D	2027	2027	0	D!I5352
RCEP E	2022	2022	0	E!D5355
RCEP E	2023	2023	0	E!E5355
RCEP E	2024	2024	0	E!F5355
RCEP E	2025	2025	0	E!G5355
RCEP E	2026	2026	0	E!H5355
RCEP E	2027	2027	0	E!I5355
RCEP F	2022	2022	0	F!D5352
RCEP F	2023	2023	0	F!E5352
RCEP F	2024	2024	0	F!F5352
RCEP F	2025	2025	0	F!G5352
RCEP F	2026	2026	0	F!H5352
RCEP F	2027	2027	0	F!I5352
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4923
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4923
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4923
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4923

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3822.12.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3822.12.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3822.12.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3822.12.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5479), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.